

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HS-ST
Ngày: 15-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Vương.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Rõn;

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - Sinh năm 1975, tại Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, QT, phường YN, quận HĐ, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: 82F4, khu phố LĐ, phường LBT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; Bị cáo có vợ tên Đào Thị H1, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-5-2020 cho đến nay. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn V - Sinh năm 1969 - Nơi cư trú: B70/20B, NTH, phường 18, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Năng L - Sinh năm 1997 - Nơi cư trú: 56/7, tổ 20, khu phố 4, phường TH, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Hoàng N - Sinh năm 1997 - Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 04-5-2020, Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô biển số 51H-123.xx rước 01 người khách ở ngã 3 VT (thành phố BH, tỉnh Đồng Nai) chở đến cửa khẩu MQT (huyện H, tỉnh Long An); Khoảng 04 giờ cùng ngày xe đến bãi xe TL (ấp 4, xã MQT), người khách xuống xe, T đỗ xe tại quán giải khát (đầu đường vào bãi xe) và ngủ lại trên xe. Khoảng 05 giờ 30 phút, T thức dậy, thấy một người đàn ông chạy xe mô tô chở thuốc lá ngoại nhập lậu giao cho xe ô tô khác trong bãi xe. T liền nảy sinh ý định mua thuốc lá ngoại về thành phố BH để bán lại kiếm lãi. T hỏi mua, người đàn ông chở thuốc trả lời thuốc hiệu 555 giá 20.000 đồng/bao; Thấy giá thuốc lá rẻ, T thỏa thuận mua số thuốc lá ngoại bằng số tiền 40.000.000 đồng. Người đàn ông bảo T ở lại xe, sẽ có người chở thuốc lá đến giao. Khoảng 06 giờ 15 phút, người đàn ông giao thuốc cùng với 01 người đàn ông khác điều khiển 02 xe mô tô (không rõ biển số) chở 2.100 bao thuốc lá ngoại đến giao; T mở cốp sau xe cho 02 người đàn ông chất thuốc lá ngoại vào. Khi xong, T trả 40.000.000 đồng cho người đàn ông và điều khiển xe theo đường 838 hướng về thành phố BH; Khoảng 06 giờ 30 phút, khi đến địa phận ấp 2, xã MQT thì T bị lực lượng Công an huyện H phối hợp với chốt kiểm dịch Covid-19 kiểm tra bắt quả tang, tạm giữ: 2.100 bao thuốc lá ngoại nhập lậu (1.000 bao nhãn hiệu Jet, 600 bao nhãn hiệu 555 và 500 bao nhãn hiệu Hero), xe ô tô biển số 51H-123.xx, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung cùng 1.000.000 đồng.

Cáo trạng số 54/CT-VKSĐH ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 32 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về tang vật: Xe ô tô biển số 51H-123.xx đã trả lại chủ sở hữu xong, không tiếp tục đề cập; 2.100 bao thuốc lá điều do nước ngoài sản đề nghị tịch thu giao cơ quan cơ quan chức năng xử lý; 01 điện thoại di động Samsung cùng 1.000.000 đồng không liên quan hành vi phạm tội đề nghị trả lại bị cáo.

- Bị cáo T khai nhận: Bị cáo đã thực hiện hành vi mua 2.100 bao thuốc lá điều nhập lậu và vận chuyển từ ấp 4 MQT về thành phố BH để bán lại kiếm lãi, vừa đến ấp 2 xã MQT thì bị bắt quả tang như Cáo trạng truy tố; Xe ô tô biển số 51H-

123.xx bị cáo thuê (không lập hợp đồng) của một người bạn tên Tuấn (không rõ họ tên, địa chỉ, ở khu vực thành phố BH, tỉnh Đồng Nai) với giá 600.000 đồng/ngày từ ngày 23-4-2020. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của cơ quan cảnh sát điều tra, quyết định phê chuẩn khởi tố bị can và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo các cáo điều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên điều thực hiện đúng và hợp pháp.

[2] Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04-5-2020, bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi mua 2.100 bao thuốc lá ngoại nhập lậu với giá 40.000.000 đồng từ người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) và dùng xe ô tô biển số 51H-123.xx vận chuyển từ ấp 4, xã MQT, huyện H về thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, nhằm bán lại kiếm lãi. Khi T điều khiển xe đến đoạn đường 838 thuộc ấp 2, xã MQT, huyện H thì bị lực lượng Công an huyện H phối hợp với chốt kiểm dịch Covid-19 kiểm tra bắt quả tang.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do công an huyện H, tỉnh Long An lập lúc 06 giờ 35 phút ngày 04-5-2020 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Bị cáo T đủ lý trí và năng lực để nhận thức được việc buôn bán hàng cấm là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

[5] Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo T phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[6] Cáo trạng số 54/CT-VKSDH ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo T với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, không những làm ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo có tính bộc phát, tức thời, mục đích giản đơn để thu lợi. Hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Xét trong quá điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo không có việc làm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ pháp luật.

[10] Về vật chứng, căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự, xét thấy:

[10.1] Xe ô tô biển số 51H-123.xx ông Nguyễn Văn V đứng tên chủ sở hữu; Ngày 20-3-2020, ông V cho ông Nguyễn Năng L thuê; Ngày 19-4-2020, ông L cho ông Nguyễn Hoàng N thuê lại, khi lập hợp đồng, ông L giữ giấy chứng minh nhân dân photo của ông N. Ông N khai ông sống tại Trà V, ông bị mất giấy chứng minh nhân dân từ năm 2016, ông không quen biết và không thuê xe biển số 51H-123.xx từ ông L; T khai thuê xe ô tô trên của một người bạn tên Tuấn (không rõ họ tên, địa chỉ) từ ngày 23-4-2020. Các ông V, L và N không biết việc T sử dụng xe ô tô biển số 51H-123.xx buôn bán hàng cấm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả xe lại cho ông V theo Quyết định xử lý vật chứng số 41 ngày 17-7-2020 và biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 20-7-2020 là phù hợp không tiếp tục đề cập.

[10.2] 2.100 bao thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất (1.000 bao nhãn hiệu Jet, 600 bao nhãn hiệu 555 và 500 bao nhãn hiệu Hero) không có chứng từ, hóa đơn, xuất xứ hàng hóa, không xác định chủ sở hữu, tịch thu giao cho cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện H xử lý theo Quyết định số 20/2018/QĐ-TTg ngày 26-4-2018 của Chính phủ là phù hợp.

[10.3] 1.000.000 đồng cùng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, số sim 0968489xxx không liên quan hành vi phạm tội, trả lại bị cáo là phù hợp (Chi cục Thi hành án dân sự huyện H đang quản lý).

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T mua và vận chuyển số thuốc lá ngoại nhập lậu mục đích bán lại kiếm lãi nhưng chưa bán được thì bị bắt quả tang, do vậy không thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội.

[12] Đối với người đàn ông có hành vi bán thuốc lá điều nhập lậu cho T và người đàn ông cùng giao thuốc cho T ngày 04-5-2020 tại ấp 4, xã MQT, không xác định được nhân thân, lai lịch, nên không có căn cứ đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp. Nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với các ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Năng L và Nguyễn Hoàng N không biết việc bị cáo T sử dụng xe ô tô biển số 51H-123.xx để buôn bán hàng cấm ngày 04-5-2020 nên không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp; Liên quan đến hợp đồng thuê xe, các ông V, L và N không có yêu cầu nên không đề cập, nếu xảy ra tranh chấp, tách ra giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[14] Đối với người tên Tuấn, mà bị cáo T khai đã thuê xe ô tô biển số 51H-123.xx để chở khách, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ đề cập xem xét trách nhiệm hình sự, dân sự.

[15] Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 32, Điều 38, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Các Điều 106, 135, 136, 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 04-5-2020).

- Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn T 45 (Bốn mươi lăm) ngày sau khi tuyên án, để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Về tang vật:

+ Tịch thu giao cơ quan Chi cục thi hành án dân huyện H xử lý theo quy định hiện hành (Quyết định số 20/2018/QĐ-TTg ngày 26-4-2018 của Chính phủ) 2.100 (hai nghìn một trăm) bao thuốc lá điếu do nước ngoài sản xuất (1.000 bao nhãn hiệu Jet, 600 bao nhãn hiệu 555 và 500 bao nhãn hiệu Hero) không có chứng từ, hóa đơn, xuất xứ hàng hóa, không xác định chủ sở hữu.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng, số sim 0968489xxx và 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

+ Tang vật do Chi cục thi hành án dân sự huyện H đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 49/QĐ-VKSĐH ngày 11-8-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13-8-2020 và Biên lai thu tiền số 0004047 ngày 13-8-2020.

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (Ngày 15-9-2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bị cáo; Liên quan;
- UBND phường LBT, thành phố BH,
tỉnh Đồng Nai;
- Hồ sơ THA.HS (06);
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

Nguyễn Hùng Vương